

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Du lịch - Dịch vụ Hội An

Ngày 30/09/2025	17,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	4.7%	-7.7%	-8.2%

DT thuần Q3/25
42.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.70 1.7%
YoY: ▲ 5.60 15.1%

LN thuần Q3/25
3.64
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.56 -49.4%
YoY: ▲ 0.21 6.2%

LN sau thuế Q3/25
3.59
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.65 -50.4%
YoY: ▲ 0.19 5.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
8.4%
YoY: +/- ▼ 8.6%

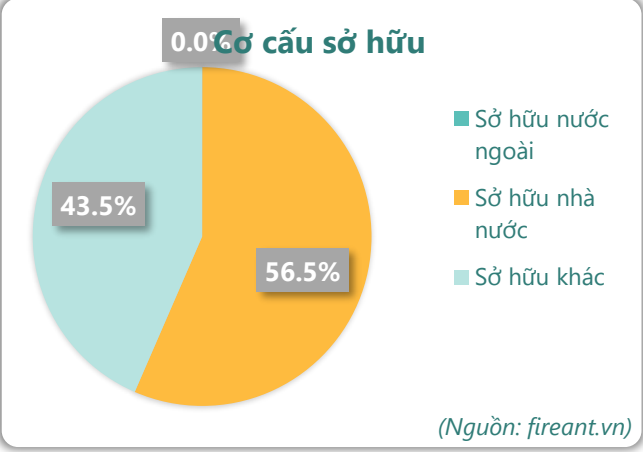
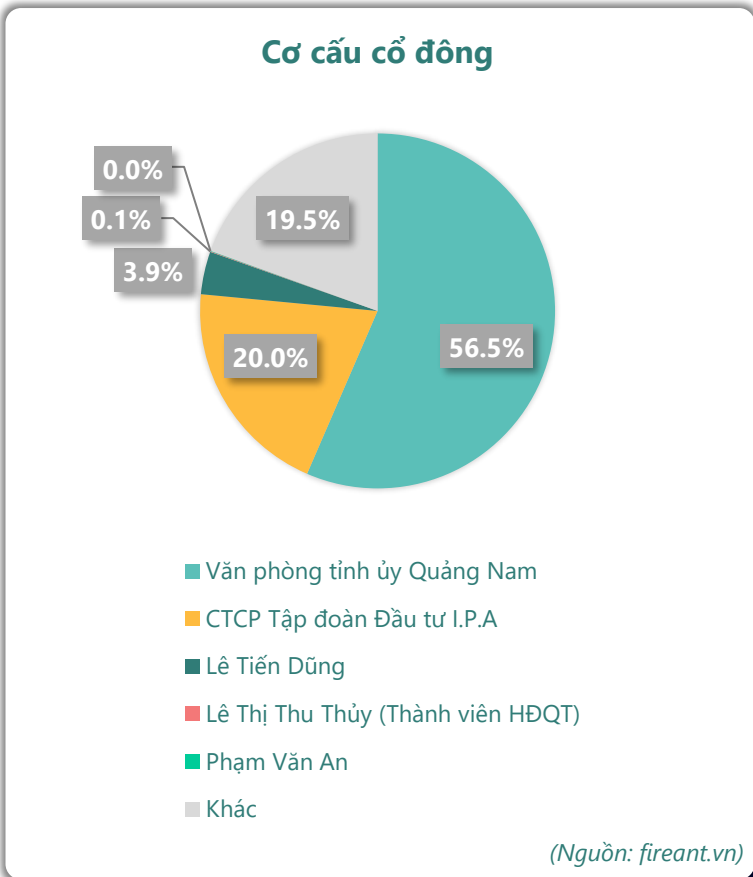
ROE (TTM) Q3/25

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,500 - 21,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	143
Số lượng CPLH (CP)	7,999,937
KLGD BQ 20 phiên (CP)	75
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.07
EPS	
P/E	

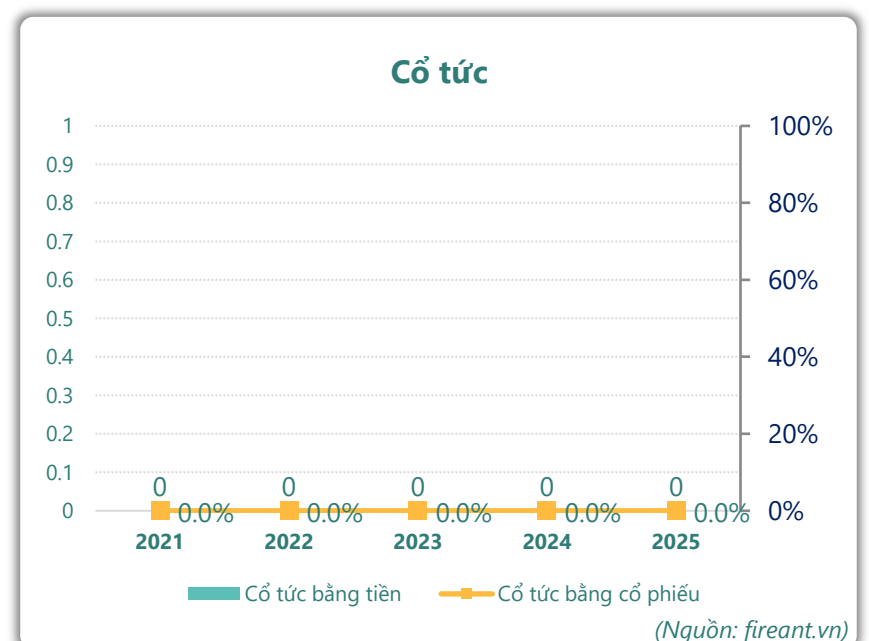
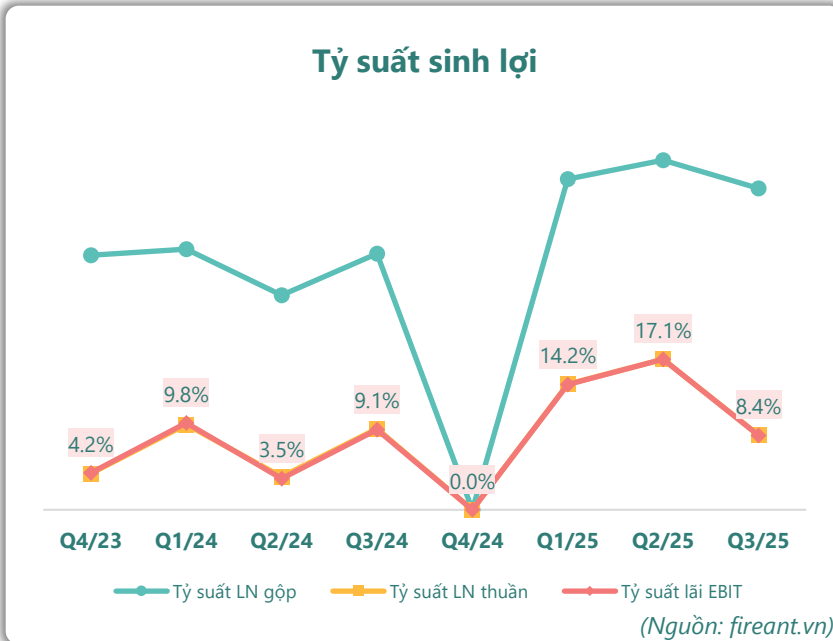
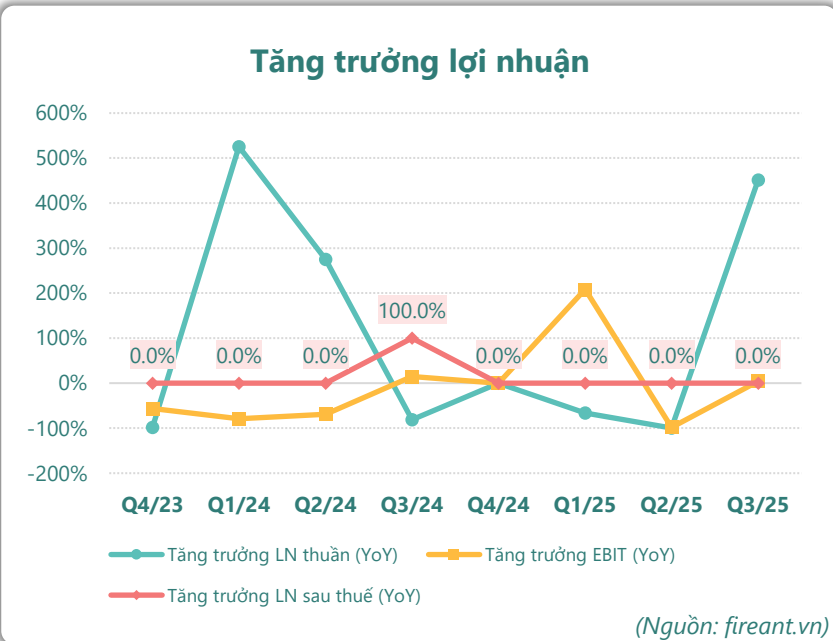
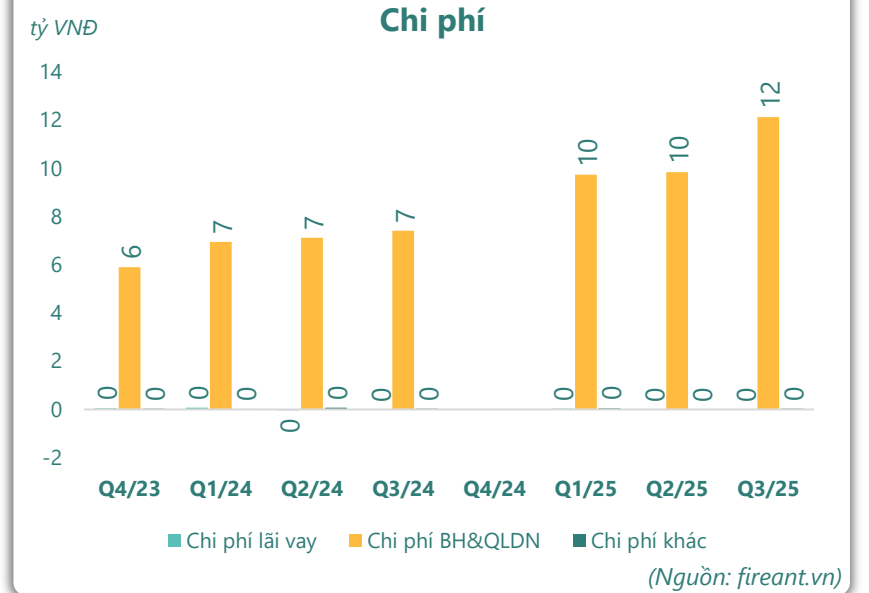
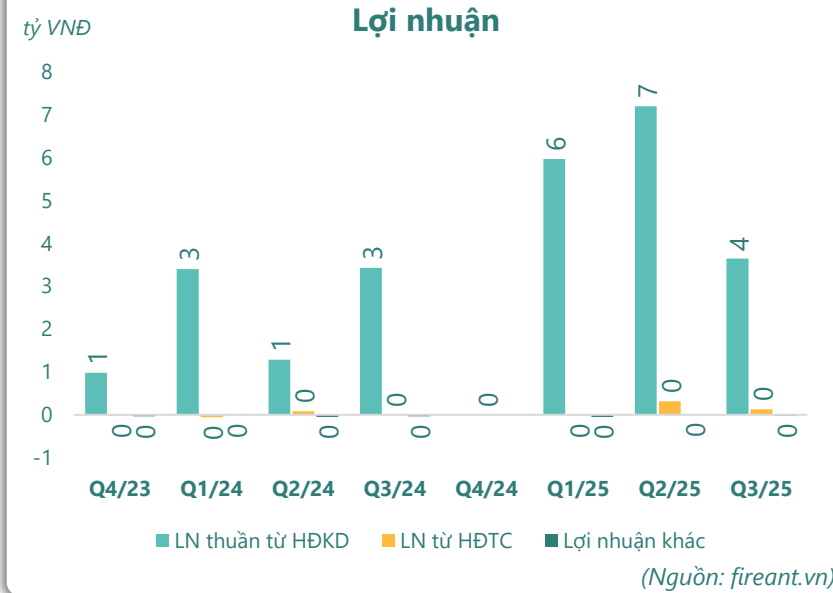
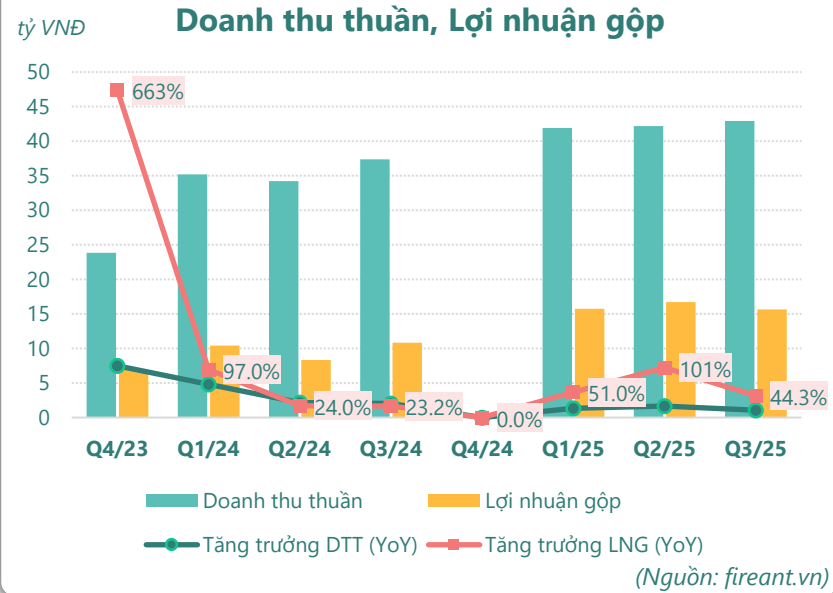
DT thuần 9T 2025
127
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 20.0 19.0%

LN thuần 9T 2025
16.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.68 107%

LN sau thuế 9T 2025
16.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.66 107%



KẾT QUẢ KINH DOANH

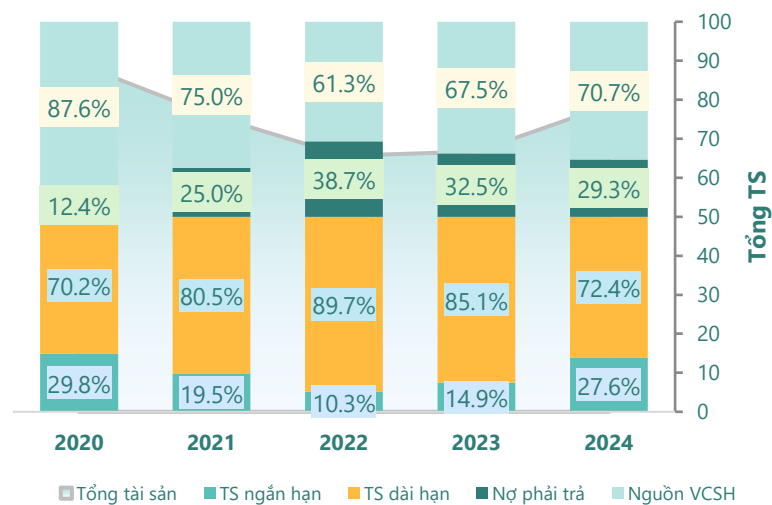




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

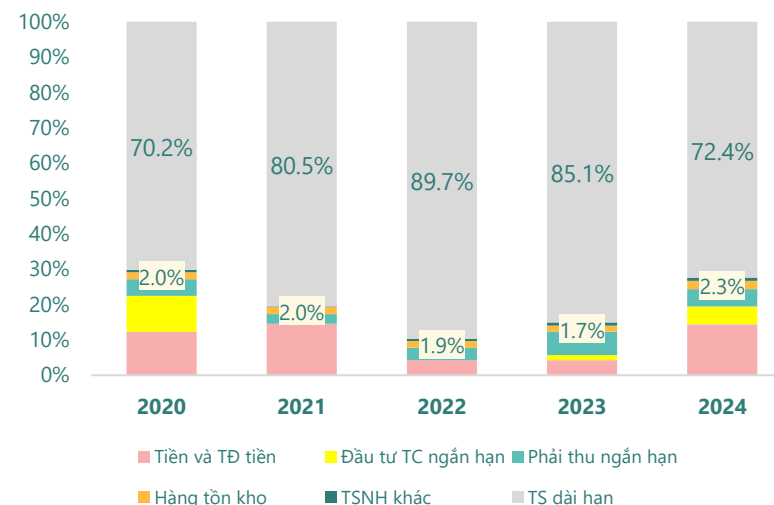
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

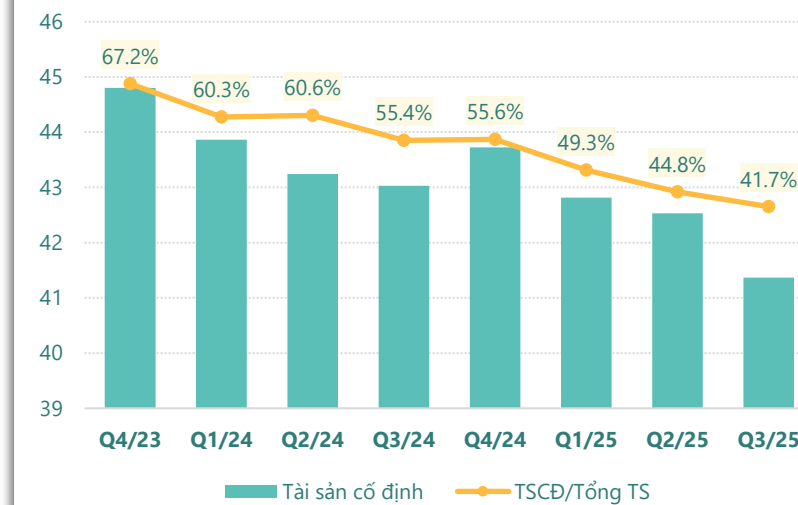
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

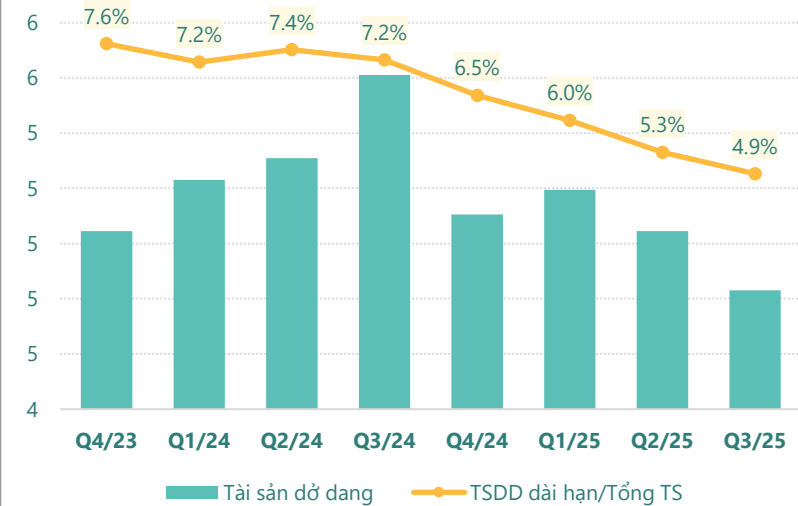
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

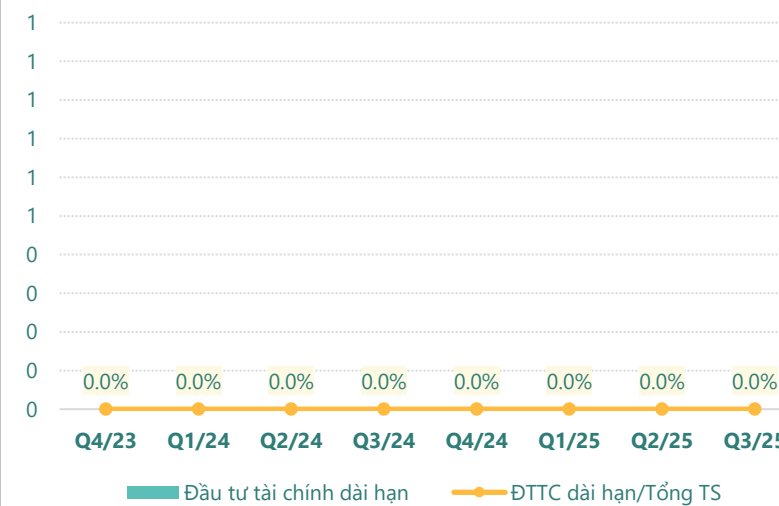
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

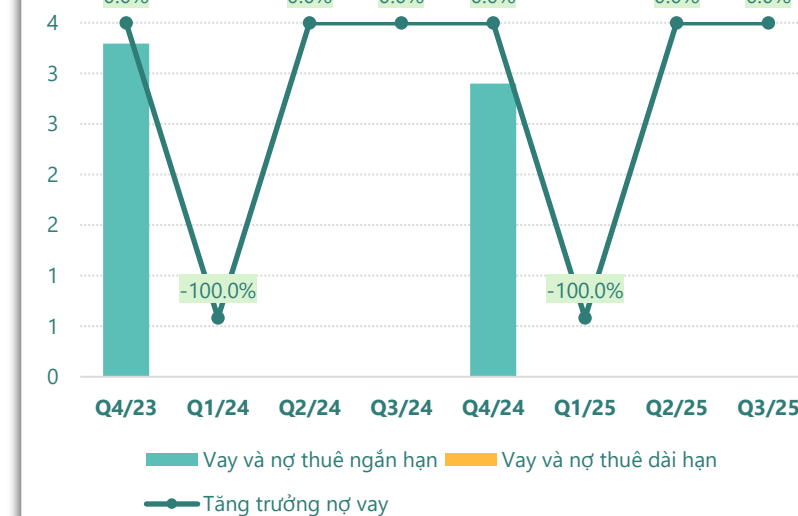
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

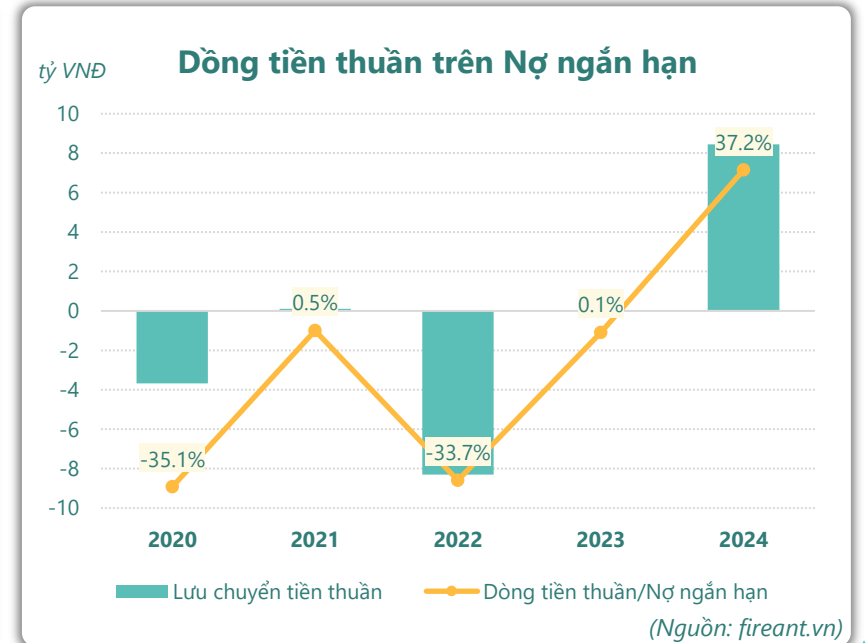
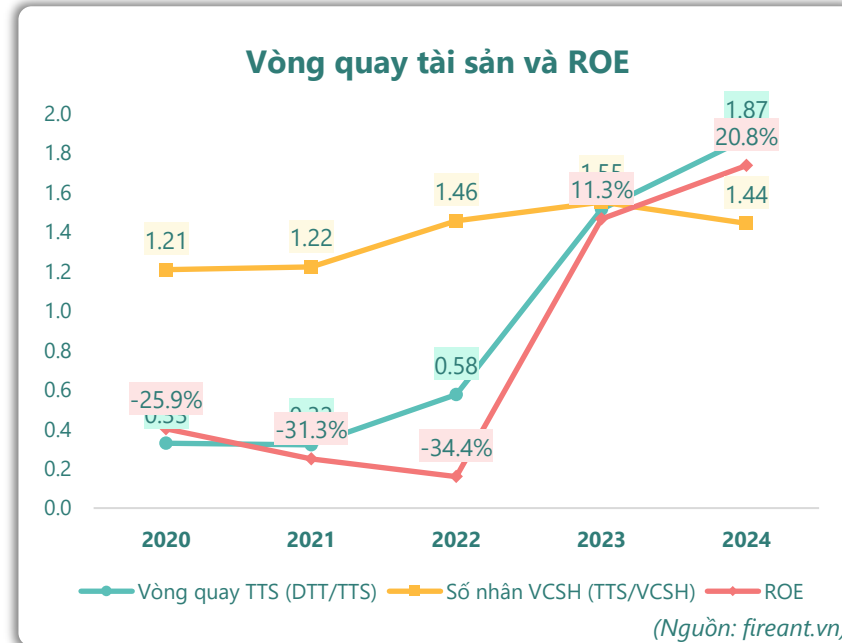
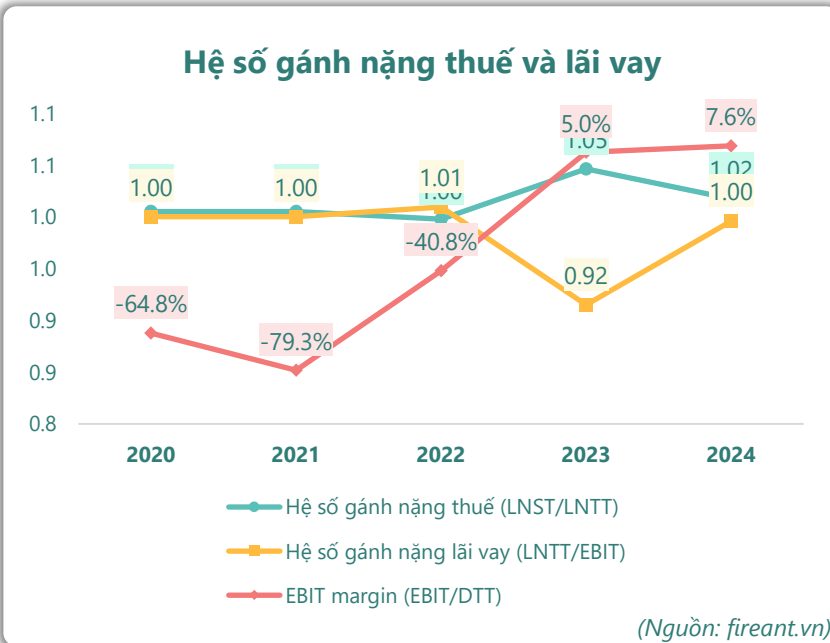
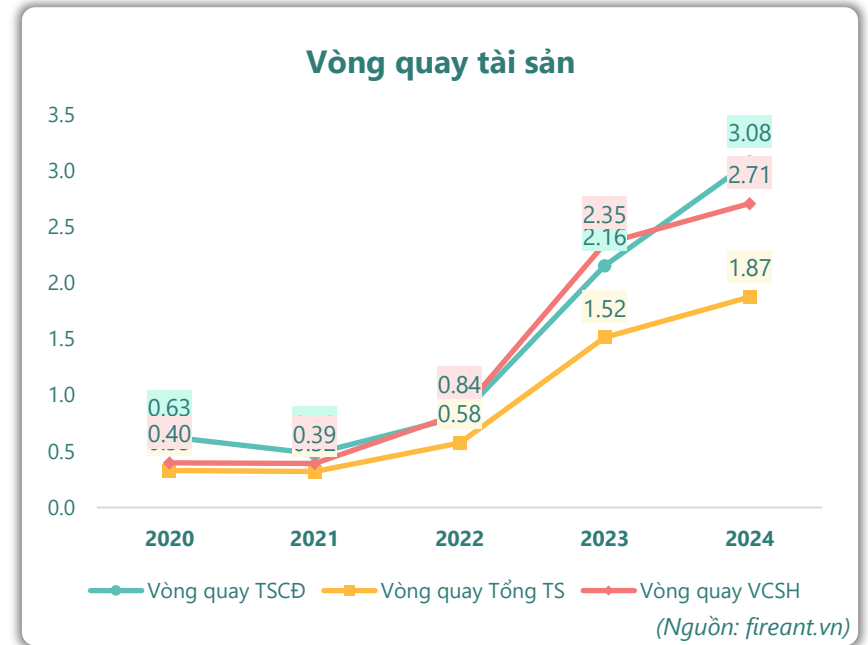
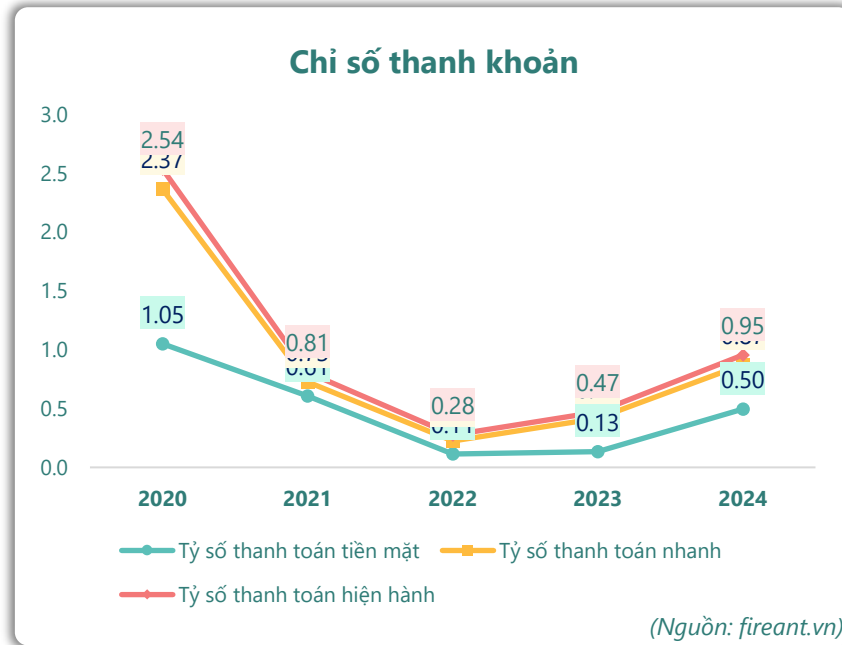
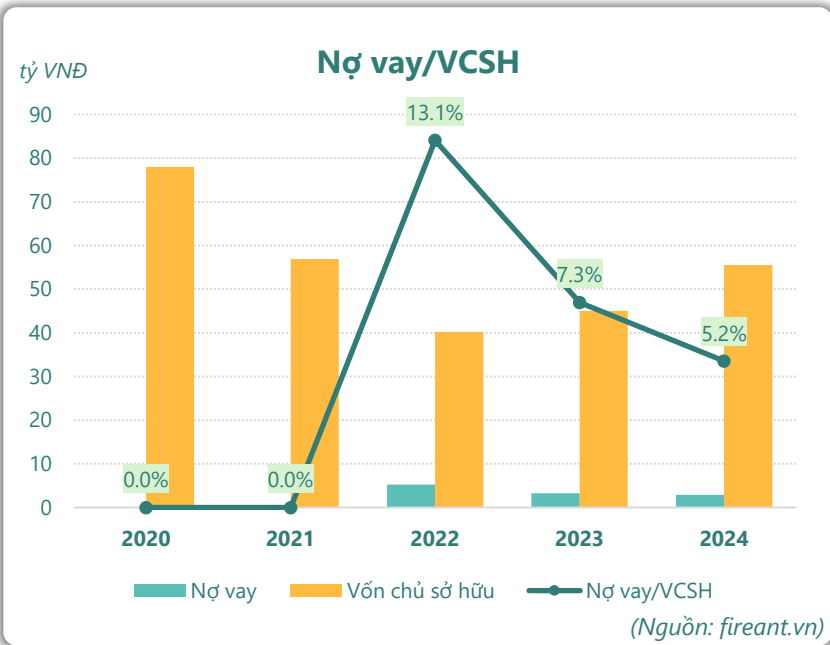
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	42.9	37.3	15.1%	127	107	19.0%
Giá vốn hàng bán	27.3	26.5	3.0%	78.9	77.2	2.2%
Lợi nhuận gộp	15.6	10.8	44.9%	48.1	29.6	62.6%
Doanh thu HĐTC	0.14	0.01	1287%	0.49	0.09	471%
Chi phí TC	0.01	0.01	-26.8%	0.05	0.05	7.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0.03	0.04	-13.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	5.30	3.62	46.3%	13.7	9.79	39.8%
Chi phí QLDN	6.84	3.80	80.0%	18.0	11.7	54.0%
LN thuần từ HĐKD	3.64	3.43	6.2%	16.8	8.12	107%
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.03	39.1%	-0.07	-0.08	22.0%
LN trước thuế	3.63	3.40	6.6%	16.8	8.04	108%
Lợi nhuận sau thuế	3.59	3.40	5.7%	16.8	8.14	107%
LNST của CĐ cty mẹ	3.59	3.40	5.7%	16.8	8.14	107%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.06	9.71	0	13.8	7.19	8.28
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.16	-3.09	0	-3.89	3.19	-1.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-2.80	0	-2.90	0	0
Tiền đầu kỳ	7.46	8.37	0	11.3	18.3	28.7
Lưu chuyển tiền thuần	0.90	3.82	0	7.06	10.4	6.74
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.01	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	8.37	12.2	0	18.3	28.7	35.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	99.1	78.6	26.1%
Tài sản ngắn hạn	45.3	21.7	109%
Tiền và tương đương tiền	35.5	11.3	214%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.10	4.00	2.5%
Phải thu ngắn hạn	3.09	3.87	-20.2%
Hàng tồn kho	2.01	1.82	10.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.64	0.74	-13.3%
Tài sản dài hạn	53.8	56.9	-5.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	41.4	43.7	-5.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	4.83	5.10	-5.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.63	8.05	-5.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	26.8	23.1	16.1%
Nợ ngắn hạn	26.5	22.7	16.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	2.90	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	4.02	4.29	-6.4%
Nợ dài hạn	0.26	0.32	-18.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	72.3	55.5	30.3%
Vốn chủ sở hữu	72.3	55.5	30.3%
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

